

Số: 31/2024/QĐST-HNGĐ

Hiệp Hòa ngày 29 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 36/2024/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2024 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”, giữa:

***Nguyên đơn:** Chị Lê Thị N, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

*** Bị đơn:** Anh Phạm Văn Q, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án; nghĩa vụ nộp tiền tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 21 tháng 02 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

- Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lê Thị N và anh Phạm Văn Q.
- Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Phạm Quỳnh A, sinh ngày 02/10/2018, giao cho anh Phạm Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng 01 con chung là cháu Phạm Minh K, sinh ngày 25/3/2013.

Chị N, anh Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không trực tiếp ở với mình theo quy định của pháp luật.

- Về cấp dưỡng nuôi con chị N và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, công sức đóng góp, công nợ chung: Chị Lê Thị N và anh Phạm Văn Q thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí Tòa án: Chị Lê Thị N tự nguyện chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Lê Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003778 ngày 21/02/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hiệp Hoà, tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Lê Thị N đã thi hành xong án phí. Hoàn trả cho chị Lê Thị N số tiền còn lại theo biên lai nói trên là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Hiệp Hoà;
- Chi cục THADS huyện Hiệp Hoà;
- UBND xã Đ, HH, BG (GCNKH 15 ngày 09/02/2012);
- Dương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Dương Văn Hải